

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**CHO QUÝ 2 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆT NAM - VIETRAVEL**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,832,974,725,405	1,515,798,649,569
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64,599,231,271	110,517,850,514
1. Tiền	111		52,799,231,271	98,717,850,514
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,800,000,000	11,800,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,161,368,750	33,952,500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2,161,368,750	33,952,500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,589,715,029,208	1,190,323,822,179
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	261,689,840,478	74,004,930,731
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	223,635,387,623	85,883,821,514
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1,112,321,095,570	1,035,629,205,778
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7,931,294,463)	(5,194,135,844)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1,378,206,020	385,092,971
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,378,206,020	385,092,971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		175,120,890,156	214,537,931,405
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	173,519,491,011	213,642,011,077
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,473,966,852	884,518,727
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	127,432,293	11,401,601
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		405,901,718,892	539,131,991,155
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7,953,769,970	9,309,117,820
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	7,953,769,970	9,309,117,820
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		52,370,306,313	62,826,689,216
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	36,376,952,471	45,257,631,966
- Nguyên giá	222		208,293,194,926	208,046,119,161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171,916,242,455)	(162,788,487,195)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	15,993,353,842	17,569,057,250
- Nguyên giá	228		32,385,111,113	32,385,111,113
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16,391,757,271)	(14,816,053,863)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		69,256,152,378	68,920,178,281
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	69,256,152,378	68,920,178,281
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		266,717,273,363	384,788,937,872
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	1,116,500,000	1,116,500,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	261,824,653,932	379,896,318,441
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	3,776,119,431	3,776,119,431
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9,604,216,868	13,287,067,966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8,521,777,868	12,084,357,966
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	1,082,439,000	1,202,710,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,238,876,444,297	2,054,930,640,724

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,343,286,035,550	2,046,961,961,610
I. Nợ ngắn hạn	310		1,680,137,348,140	1,552,905,391,405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	380,707,559,111	381,130,960,487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	425,043,215,304	184,693,016,929
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	13,393,297,855	20,537,121,781
4. Phải trả người lao động	314		17,791,717,993	1,526,022,160
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18a	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	217,789,849,305	96,244,494,720
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	623,420,916,986	866,782,983,742
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1,990,791,586	1,990,791,586
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		663,148,687,410	494,056,570,205
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	1,099,525,000	1,120,625,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	662,049,162,410	492,935,945,205
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

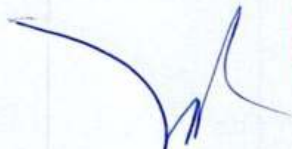
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(104,409,591,253)	7,968,679,114
I. Vốn chủ sở hữu	410		(104,409,591,253)	7,968,679,114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a,b,c	172,948,330,000	172,948,330,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172,948,330,000	172,948,330,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	3,315,805,325	3,315,805,325
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22a	(6,860,283,300)	(6,860,283,300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.22a	32,731,431	364,515,346
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	23,076,888,391	23,076,888,391
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	(300,556,024,636)	(185,506,379,936)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(293,592,192,843)	(37,025,155,331)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(6,963,831,793)	(148,481,224,605)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.22a	3,632,961,536	629,803,288
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,238,876,444,297	2,054,930,640,724


Hồ Quốc Bình
 Người lập


La Huệ
 Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Kỳ
 Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1. Tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	986,115,769,991	333,607,361,250	1,201,636,352,279	611,331,270,783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	-	766,573,835	-	1,890,222,889
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		986,115,769,991	332,840,787,415	1,201,636,352,279	609,441,047,894
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	853,822,231,981	428,086,907,618	1,064,774,964,920	698,824,651,914
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		132,293,538,010	(95,246,120,203)	136,861,387,359	(89,383,604,020)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	4,269,930,252	28,666,352,654	4,495,453,580	45,246,143,214
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	26,721,809,675	50,788,152,052	48,480,908,584	78,719,326,014
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19,687,693,092	30,046,458,362	36,027,952,478	57,875,355,494
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	V.2c	(57,978,588,238)	-	(118,071,664,509)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VL.6	5,303,765,204	52,657,171,819	6,544,591,205	59,130,345,898
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.7	52,617,327,262	46,932,144,743	82,407,078,554	108,759,375,544
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6,058,022,117)	(216,957,236,163)	(114,147,401,913)	(290,746,508,262)
12. Thu nhập khác	31	VL.8	204,320,430	1,769,552,859	230,815,138	4,443,505,471
13. Chi phí khác	32	VL.9	456,549,327	1,808,028,449	467,262,738	3,260,017,704
14. Lợi nhuận khác	40		(252,228,897)	(38,475,590)	(236,447,600)	1,183,487,767
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6,310,251,014)	(216,995,711,753)	(114,383,849,513)	(289,563,020,495)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	243,290,297	-	530,735,599
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6,310,251,014)	(217,239,002,050)	(114,383,849,513)	(290,093,756,094)
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(6,963,831,793)	(217,123,587,160)	(115,037,430,292)	(288,637,386,576)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			653,580,779	(115,414,890)	653,580,779	(1,456,369,518)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10a					
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10b					



Hồ Quốc Bình
Người lập



La Huệ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Kỳ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,355,099,284,707	1,037,240,089,510
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,218,266,946,297)	(1,001,363,607,282)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(25,960,715,966)	(79,920,910,939)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.18,19a; VI.5	(13,864,644,787)	(15,920,459,712)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(1,398,411,206)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		154,303,253,854	460,309,941,792
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(235,744,860,748)	(467,909,233,327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15,565,370,763	(68,962,591,164)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10,12	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1,900,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,130,000,000)	(72,800,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,399,757,616)	(2,565,124,949)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	32,163,411,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	203,973,456	9,168,871,051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,325,784,160)	(34,030,942,898)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.22a	2,899,757,616	3,708,124,949
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(3,000,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21a,b	17,924,930,000	479,396,681,609
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21a	(78,984,216,691)	(374,808,201,935)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22a	-	(166,292,250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58,159,529,075)	108,127,312,373
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(45,919,942,472)	5,133,778,311
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	111,224,211,431	90,108,978,072
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(705,037,688)	510,132,405
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64,599,231,271	95,752,888,788

Hồ Quốc Bình
Người lậpLa Huệ
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1. Tháng 8. năm 2022

Nguyễn Quốc Kỳ
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: điều hành tour du lịch; đại lý vé máy bay cho các hãng hàng không; vận chuyển khách du lịch; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày kết thúc Quý 02 năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 10 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Có 07 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Indochina Heritage Travel	350Beo, đường Preah Monivong, phường Bung Kanh Kon I, quận Cham Ka Mon, TP. Phnom Penh, Campuchia	Tổ chức hoạt động du lịch lữ hành.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đảo Ngọc Bích	Số 53, đường 30/04, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Vietravel Australia Pty. Ltd.	Số 294, đường Hampshire, Sunshine, bang Victoria 3020, Úc	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa.	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Joint Stock Company – Vietravel	Số 9191, phòng 220, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH An Incentives	Số 19, đường Damesme, 75013 Paris – 19 rue Damesme 75013 Paris, Cộng hòa Pháp	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, điều hành tour, bán vé máy bay, kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Private Limited	Phòng 08-08, Orchard Plaza, số 150 đại lộ Orchard, 238841 Singapore	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Truyền Thông & Sự Kiện Đoàn Ong Việt	27-29 đường Huỳnh Văn Gấm, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại	51%	0%	51%	0%

5b. Các công ty con chưa được hợp nhất

Các công ty con sau không được hợp nhất do chỉ mới chuyển vốn đầu tư hoặc mới thành lập nên chưa góp vốn và tạm thời chưa hoạt động kinh doanh.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC.	Số 9191, phòng 219, đại lộ Bolsa, TP. Westminster, bang California, Hoa Kỳ	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Vietravel	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh lữ hành du lịch, bất động sản, ăn uống, nhà hàng, đào tạo trung cấp.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Trip U	Số 100, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ lữ hành du lịch, công thông tin chi tiết dịch vụ thương mại điện tử.	100,00%	100,00%

5c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp thị – Thể thao – Du lịch – Giải trí Việt Nam	Số 35, đường Trần Quốc Toàn, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.	0,00%	35,00%	0,00%	35,00%
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	752/2 Petch Kasem, 55/2 Alley, Lak Song Subdistrict, quận Bang Khae, Bangkok Metropolis, Thái Lan	Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa, đại lý vé máy bay.	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Số 85, đường Nguyễn Hữu Cầu, phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Điều hành tour du lịch.	21,00%	21,00%	21,00%	21,00%
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	Số 17, đường Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Vận tải hành khách hàng không.	43,92%	-	43,92%	-

⁽ⁱ⁾ Tập đoàn nắm giữ 21% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đào Ngọc Bích.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5d. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Bình Dương	Số 317, đại lộ Bình Dương, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Trung tâm Dịch vụ Du lịch Lá Xanh	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đồng Nai	Số 59, đường 30/4, phường Thanh Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Huế	Số 3, đường Hùng Vương, phường Phú Hội, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hải Phòng	Số 4, phố Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Hà Nội	Số 3, phố Hai Bà Trưng, phường Tráng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đà Nẵng	Số 58, đường Pasteur, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Trung tâm Tư vấn Du học Việt	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Long Xuyên	Số 99-101, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Nha Trang	Số 100, đường Quang Trung, phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 516, đường Quang Trung, phường Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Cần Thơ	Số 101, đường Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Vũng Tàu	Số 150, đường Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quy Nhơn	Số 28, đường Trường Chinh, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Xuất khẩu lao động tại Hà Nội	Phòng 502, Số 2, đường Trần Thánh Tông, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Xí nghiệp Xây dựng công trình dân dụng Ngôi Sao	Số 23b, đường Trường Sơn, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Vinh	Số 111, đường Lê Lợi, Phường Lê Lợi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Cà Mau	Số 134, đường Nguyễn Trãi, Phường 9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Rạch Giá	Số 60, đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Phú Quốc	Số 53, đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Buôn Ma Thuột	Số 58, đường Điện Biên Phủ, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 18, đường 25/4, phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Đà Lạt	Số 56, đường Phan Đình Phùng, Phường 1, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel - Chi nhánh Thanh Hóa	Số 109, đường Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Nguồn nhân lực Việt Nam	Số 35, đường Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Điều hành Hướng Dẫn Viên Việt Nam	Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Trung tâm Dịch vụ Chuyển đi của Bạn	Số 90A, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Xí nghiệp Dịch vụ Vận chuyển Xuyên Á Hà Nội	Số 3, phố Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel – Chi nhánh Thái Nguyên	Số 203, tổ 26, đường Lương Ngọc Quyến, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Trung tâm dạy nghề Vietravel	Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Số 35, đường Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc Quý 2, Tập đoàn có 914 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.306 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa các Công ty trong Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng các Công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng các Công ty trong Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản, nợ phải trả và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị tài sản thuần của các công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của các công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toán bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí tour

Các khoản chi phí đã trả liên quan đến các tour đang thực hiện.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tính khấu hao.

Bản quyền

Nguyên giá của bản quyền mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị quyền thuê nhà và tên miền. Nguyên giá của giá trị quyền thuê nhà và tên miền là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra để có được giá trị nhà và tên miền ở thời điểm hiện tại. Giá trị nhà và tên miền được khấu hao từ 5 năm đến 25 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng năm, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng năm trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng năm trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi năm được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi năm trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu năm của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng năm.
- Theo phương pháp đường thẳng: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của trái phiếu tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nếu người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

17. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành bao gồm doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế đưa khách từ nước ngoài vào Việt Nam (Inbound Tours); doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế đưa khách là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú, làm việc tại Việt Nam đi du lịch ra nước ngoài (Outbound Tours) và doanh thu dịch vụ du lịch nội địa (Domestic).

Các khoản doanh thu này được ghi nhận khi Tập đoàn đã hoàn thành dịch vụ và các khoản chi phí liên quan đến dịch vụ đó được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào Hợp đồng kinh tế, Biên bản thanh lý và Báo cáo thực hiện tour đã được phê duyệt.

Doanh thu bán vé máy bay

Doanh thu bán vé máy bay được ghi nhận khi các rủi ro và quyền sở hữu liên quan đến vé máy bay đã được chuyển sang khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.982.585.803	2.178.345.419
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.816.645.468	96.539.505.095
Các khoản tương đương tiền	11.800.000.000	11.800.000.000
Cộng	64.599.231.271	110.517.850.514

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	2.161.368.750	2.161.368.750	33.952.500	33.952.500
Công ty TNHH An Incentives	31.368.750	31.368.750	33.952.500	33.952.500
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel	2.130.000.000	2.130.000.000	-	-

2b. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài 201600207 ngày 19 tháng 9 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Sài Gòn City Travel & Tours LLC. 1.116.500.000 VND (~50.000 USD) tương đương 100,00% vốn điều lệ. Tập đoàn đã góp đủ vốn điều lệ vào công ty con này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư			Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư		
	Giá gốc		Cộng	Giá gốc		Cộng
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam ⁽ⁱ⁾	1.400.000.000	(1.400.000.000)	-	1.400.000.000	(703.671.685)	696.328.315
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	525.000.000	(584.754)	524.415.246	525.000.000	(584.754)	524.415.246
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	781.902.800	(572.897.064)	209.005.736	781.902.800	(572.897.064)	209.005.736
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam ^(iv)	571.000.000.000	(309.908.767.049)	261.091.232.950	571.000.000.000	(192.533.430.856)	378.466.569.144
Cộng	573.706.902.800	(311.882.248.868)	261.824.653.932	573.706.902.800	(193.810.584.359)	379.896.318.441

(i) Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam đã giải thể, chấm dứt hoạt động.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 0314181156 ngày 08 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam 525.000.000 VND, tương đương 21,00% vốn điều lệ thông qua Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Đầu tư Đào Ngọc Bích.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài 201900655 ngày 13 tháng 5 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tập đoàn đầu tư vào Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd. 980.000 Bath, tương đương 49,00% vốn điều lệ. Tập đoàn đã góp đủ vốn vào công ty liên kết này.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301644331 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 11 năm 2021. Tại ngày kết thúc năm tài chính, số vốn đầu tư của Tập đoàn là 571.000.000.000 VND, tương đương 43,92% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Tăng do thoái một phần vốn công ty con thành công ty liên kết	Phần lãi/(lỗ) trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam	696.328.315	-	(696.328.315)	-
Công ty Cổ phần Lữ hành Sài Gòn Việt Nam	524.415.246	-	-	524.415.246
Viet Nam Travel and Marketing Transports Co., Ltd.	209.005.736	-	-	209.005.736
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	378.466.569.144	-	(117.375.336.194)	261.091.232.950
Cộng	379.896.318.441	-	(118.071.664.509)	261.824.653.932

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Viet Nam Travel And Marketing Transports Private Limited ⁽ⁱ⁾	3.776.119.431	-	3.776.119.431	-
Cộng	3.776.119.431	-	3.776.119.431	-

⁽ⁱ⁾ Chi phí đầu tư cho Viet Nam Travel And Marketing Transports Private Limited.*Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng sử dụng dịch vụ du lịch lữ hành và mua vé	261.689.840.478	74.004.930.731
Cộng	261.689.840.478	74.004.930.731

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam (là bên liên quan)	15.008.541.547	449.400.000
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	11.790.826.921	2.912.909.000
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines	7.967.637.539	7.701.307.495
Các khoản trả trước cho các hãng hàng không và nhà cung cấp dịch vụ khác	188.868.381.616	74.820.205.019
Cộng	223.635.387.623	85.883.821.514

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	959.017.865.112	-	958.919.158.619	-
Công ty Cổ phần Tiếp thị Thể thao Du lịch Giải trí Việt Nam - Chi hội	2.737.158.619	-	2.737.158.619	-
Công ty Cổ phần Vietravel Holdings - phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	956.280.706.493	-	956.182.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	153.303.230.458	-	76.710.047.159	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	12.093.538.499	-	25.522.312	-
Tạm ứng ngắn hạn	15.014.908.141	-	33.874.534.972	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	720.893.897	-	1.722.817.057	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Cho mượn	355.124.950	-	372.185.150	-
Phải thu do chuyển nhượng vốn	2.136.275.924	-	2.136.275.924	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển	623.509.427	-	619.665.260	-
Thế giới – thu, chi hộ và các khoản khác	122.358.979.620	-	37.959.046.484	-
Các khoản phải thu khác				
Cộng	1.112.321.095.570	-	1.035.629.205.778	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản ký quỹ thuê văn phòng phục vụ hoạt động kinh doanh	7.953.769.970	9.309.117.820
Cộng	7.953.769.970	9.309.117.820

6. Nợ quá hạn thanh toán

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Hưng Thịnh Phát - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	637.765.727		- Trên 3 năm	637.765.727	-
Công ty TNHH Lữ hành tin tức Quốc tế Thành Đô - phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	731.983.710		- Trên 3 năm	731.983.710	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	7.804.948.600	1.243.403.574	Trên 3 năm	5.067.789.981	1.243.403.574
Cộng		9.174.698.037	1.243.403.574		6.437.539.418	1.243.403.574

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.194.135.844	5.465.616.374
Trích lập dự phòng	2.737.158.619	1.528.352.513
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(1.799.833.043)
Số cuối năm	7.931.294.463	5.194.135.844

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công cụ, dụng cụ	1.150.242.384	-	-	-
Hàng hóa	227.963.636	-	385.092.971	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Cộng	1.378.206.020	-	385.092.971	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	1.577.708.719
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(1.577.708.719)
Số cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tour	162.557.231.370	205.020.035.231
Chi phí công cụ, dụng cụ	630.361.718	1.491.319.088
Phí dịch vụ lưu ký	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.331.897.923	7.130.656.758
Cộng	173.519.491.011	213.642.011.077

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.415.277.916	2.532.841.477
Chi phí trả trước khác	7.106.499.952	9.551.516.489
Cộng	8.521.777.868	12.084.357.966

9. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	17.989.088.651	6.136.392.989	158.032.943.421	22.305.682.189	3.582.011.911	208.046.119.161
Mua mới	-	-	-	318.620.000	-	318.620.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(33.355.252)	(38.188.983)	-	(71.544.235)
Số cuối năm	17.989.088.651	6.136.392.989	157.999.588.169	22.586.113.206	3.582.011.911	208.293.194.926
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.618.357.053	5.063.818.580	59.328.001.991	8.974.310.852	777.578.851	88.762.067.327
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	16.620.838.142	6.068.853.468	120.188.599.947	16.848.029.301	3.062.166.337	162.788.487.195
Khấu hao trong năm	201.786.312	55.928.421	7.296.735.505	1.332.537.862	282.892.752	9.169.880.852
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(11.250.276)	(30.875.316)	-	(42.125.592)
Số cuối năm	16.822.624.454	6.124.781.889	127.474.085.176	18.149.691.847	3.345.059.089	171.916.242.455
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.368.250.509	67.539.521	37.844.343.474	5.457.652.888	519.845.574	45.257.631.966
Số cuối năm	1.166.464.197	11.611.100	30.525.502.993	4.436.421.359	236.952.822	36.376.952.471

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 27.584.719.780 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20b).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu thương mại	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.974.774.000	405.799.750	139.140.000	14.967.952.911	9.897.444.452	32.385.111.113
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	6.974.774.000	405.799.750	139.140.000	14.967.952.911	9.897.444.452	32.385.111.113
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	405.799.750	-	3.105.855.911	1.928.506.345	5.440.162.006
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	-	405.799.750	43.481.250	7.714.090.558	6.652.682.305	14.816.053.863
Khấu hao trong năm	-	-	17.392.500	1.309.670.068	248.640.840	1.575.703.408
Số cuối năm	-	405.799.750	60.873.750	9.023.760.626	6.901.323.145	16.391.757.271
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.974.774.000	-	95.658.750	7.253.862.353	3.244.762.147	17.569.057.250
Số cuối năm	6.974.774.000	-	78.266.250	5.944.192.285	2.996.121.307	15.993.353.842

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
Phần mềm mua sản phẩm	997.500.000	-	-	997.500.000
Phần mềm bán tour (TripU)	11.318.551.368	-	-	11.318.551.368
Dự án phần mềm điều hành xe	2.150.000.000	-	-	2.150.000.000
Dự án website, app inbound	2.717.985.160	-	-	2.717.985.160
Dự án 01 Nguyễn Huệ	46.857.280.944	148.294.097	-	47.005.575.041
Logo TripU	59.415.000	-	-	59.415.000
Phần mềm hệ thống bán kết nối AGODA	-	187.680.000	-	187.680.000
Phần mềm E-sale	275.000.000	-	-	275.000.000
Bảo tàng ẩm thực	271.842.729	-	-	271.842.729
Hệ thống kết nối data framework	1.226.620.000	-	-	1.226.620.000
Phổ đi bộ Vinh - Nghệ An	200.000.000	-	-	200.000.000
Cloud Marketing	1.526.136.497	-	-	1.526.136.497
Nhà hàng Vietravel Đà Nẵng	811.692.517	-	-	811.692.517
Dự án 03 Hùng Vương TP Huế	188.968.329	-	-	188.968.329
Nhà hàng ở cung An Định	46.458.464	-	-	46.458.464
Dự án số 20 Nguyễn Huệ	272.727.273	-	-	272.727.273
Cộng	68.920.178.281	335.974.097	-	69.256.152.378

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Công ty TNHH An Incentives	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.405.420.000	2.405.420.000
Số cuối năm	2.405.420.000	2.405.420.000
Số đã phân bổ		
Số đầu năm	1.202.710.000	1.202.710.000
Phân bổ trong năm	120.271.000	120.271.000
Số cuối năm	1.262.845.500	1.262.845.500
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.202.710.000	1.202.710.000
Số cuối năm	1.082.439.000	1.082.439.000

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	15.008.541.547	68.908.665.008
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	-	30.078.199.573
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	1.811.841.366	1.828.617.133
Phải trả các nhà cung cấp khác	363.887.176.198	280.315.478.773
Cộng	380.707.559.111	381.130.960.487

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Tiền ứng trước liên quan đến các dịch vụ Tập đoàn sẽ thực hiện cho khách hàng.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.797.947.133	17.743.025.851
Thuế thu nhập doanh nghiệp	267.847.605	267.847.605
Thuế thu nhập cá nhân	3.495.995.244	1.653.496.127
Các loại thuế khác	831.507.873	872.752.198
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	13.393.297.855	20.537.121.781

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ du lịch trong nước và các dịch vụ trong nước khác:	8% - 10%
Dịch vụ du lịch ngoài nước:	Không tính thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất là 20%. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty trong Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận chuyển Thế giới	-	444.922.200
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Văn hóa	-	812.294.692
Cộng	-	1.257.216.892

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	16.194.470.110	13.629.658.858
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam - phải trả khác	16.194.470.110	13.629.658.858
Phải trả ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	201.595.379.195	82.614.835.862
Kinh phí công đoàn	504.867.681	442.136.176
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2.412.562.149	1.231.143.806
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	10.221.917.808	1.235.616.438
Cổ tức chưa chi trả	622.116.924	622.116.924
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	187.833.914.633	79.083.822.518
Cộng	217.789.849.305	96.244.494.720

17b. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	-	189.033.148.675
Vay Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	189.033.148.675
Vay ngắn hạn	623.420.916.986	677.749.835.067
Vay ngắn hạn ngân hàng	397.356.916.986	458.185.835.067
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	127.685.784.742	149.757.039.142
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	196.145.257.985	196.145.257.985
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	72.128.274.259	97.923.739.837
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành ^(v)	-	12.746.128.103

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Chính sách Xã hội quận Tân Bình và Quận 3	3.038.600.000	1.613.670.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	4.923.000.000	6.564.000.000
Vay các cá nhân ^(vi)	31.500.000.000	25.000.000.000
Vay các tổ chức khác ^(vii)	188.000.000.000	188.000.000.000
Cộng	<u>623.420.916.986</u>	<u>866.782.983.742</u>
 (i) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 3%/năm. thời hạn vay 6 tháng.		
(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2 theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2021/62715/HĐTD ngày 16 tháng 8 năm 2021 để bổ sung vốn lưu động.		
(iii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0805/2020-HĐCVHM/NHCT924-VIETRAVEL ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0805/2020-HĐCVHM-SĐBS01/NHCT924-VIETRAVEL ngày 20 tháng 7 năm 2021 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định. thời hạn vay không quá 6 tháng.		
(iv) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0095/2028/N-KD/01 ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0095/2028/N-KD/01-SD1 ngày 17 tháng 9 năm 2021 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định. thời hạn vay không quá 6 tháng đối với các khoản nợ trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ và thời hạn vay không quá 12 tháng đối với các khoản nợ sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và phát sinh sau ngày 17 tháng 9 năm 2021. Trong năm 2021. Công ty đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cơ cấu lại thời gian trả nợ đến tháng 01 năm 2023 với dư nợ gốc là 58.601.040.755 VND.		
(v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0308/2021/HĐTD/VIETRAVEL ngày 13 tháng 8 năm 2021 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định. thời hạn vay không quá 12 tháng.		
(vi) Khoản vay không có tài sản đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân khác với lãi suất từ 7.3% đến 10.5% để phục vụ hoạt động kinh doanh. thời hạn vay từ 90 ngày đến không quá 12 tháng.		

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả và giảm khác trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	458.185.835.067	1.424.930.000	(60,612,848,081)	398,997,916,986
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	377.033.148.675	-	(189.033.148.675)	188.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	25.000.000.000	16.500.000.000	(10.000.000.000)	31.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.564.000.000	-	(1.641.000.000)	6.564.000.000
Cộng	<u>866.782.983.742</u>	<u>17.924.930.000</u>	<u>(261.286,996,756)</u>	<u>623.420.916.986</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TÀI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	12.147.000.000	13.788.000.000
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾</i>	<i>12.147.000.000</i>	<i>13.788.000.000</i>
Vay dài hạn cá nhân	9.416.680.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	150.675.893.369	-
Trái phiếu thường dài hạn ⁽ⁱⁱ⁾	489.809.589.041	479.147.945.205
<i>Mệnh giá trái phiếu</i>	<i>500.000.000.000</i>	<i>500.000.000.000</i>
<i>Chi phí phát hành trái phiếu còn phân bổ</i>	<i>(10.190.410.959)</i>	<i>(20.852.054.795)</i>
Cộng	662.049.162.410	492.935.945.205

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua tài sản cố định, bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 1006/2017-HĐCVDA/NHCT924 ngày 09 tháng 10 năm 2017 dùng để thanh toán tiền mua 5 xe Thaco TB120S và 10 xe Thaco TB85S-W200 phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8.00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 84 tháng. Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay là 5 chiếc xe Thaco TB120S và 10 chiếc xe Thaco TB85S-W200 được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay (xem thuyết minh số V.10).
- Hợp đồng vay số 0405/2018-HĐCVĐAT/NHCT924 ngày 04 tháng 5 năm 2018 dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua tàu du lịch chở khách Phú Quốc phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8.00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng.
- Hợp đồng vay số 0605/2018-HĐCVĐAT/NHCT924 ngày 19 tháng 5 năm 2018 dùng để thanh toán tiền mua 15 xe Thaco phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành. Lãi suất vay là lãi suất thỏa thuận, ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tại thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay trong hạn là 8.00%/năm và có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng. Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay là 15 chiếc xe Thaco được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay (xem thuyết minh số V.10).

(ii) Trái phiếu thường có giá trị 500.000.000.000 VND được phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS và có đảm bảo kỳ hạn 24 tháng, mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất cố định 8.2%/năm cho 2 kỳ lãi đầu tiên và các kỳ còn lại lãi suất được xác định bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho khách hàng cá nhân trả sau thông thường (không bao gồm tiền gửi tiết kiệm online) áp dụng đối với đồng Việt Nam công bố tại website chính thức của 4 ngân là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, được xác định tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ là 2.5%/năm, tuy nhiên lãi suất tối thiểu là 8.2%/năm. Tài sản đảm bảo là khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành năm 2021 bởi Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải "Trái Phiếu THARICO" với giá trị 500.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam ("Vietravel Airlines").

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	12.147.000.000	6.564.000.000	5.583.000.000
Vay dài hạn cá nhân	9.416.680.000	916.666.700	8.500.013.300
Vay dài hạn các tổ chức khác	150.675.893.369		150.675.893.369
Trái phiếu thường	489.809.589.041	-	489.809.589.041
Cộng	662.049.162.410	7.064.000.000	654.985.162.410
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	13.788.000.000	6.564.000.000	7.224.000.000
Trái phiếu thường	479.147.945.205	-	479.147.945.205
Cộng	492.935.945.205	6.564.000.000	486.371.945.205

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	13.788.000.000	-	(1,641,000,000)	-	12,147,000,000
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	150,675,893,369	-	-	150,675,893,369
Vay dài hạn các cá nhân	-	9,416,680,000	-	-	9,416,680,000
Trái phiếu thường dài hạn	479.147.945.205	-	-	10.661.643.836	489.809.589.041
Cộng	492.935.945.205	160,092,573,369	(1,641,000,000)	10,661,643,836	662,049,162,410

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.990.791.586	3.617.080.128
Số trích lập từ lợi nhuận	-	1.147.488.000
Số đã sử dụng	-	(1.120.494.667)
Tăng khác	-	1.086.000
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(1.654.367.875)
Số cuối năm	1.990.791.586	1.990.791.586

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vietravel Holdings	70.363.240.000	70.363.240.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Lữ hành Quốc tế Sài Gòn	5.125.550.000	5.125.550.000
Ông Nguyễn Quốc Kỳ	2.865.300.000	2.865.300.000
Các cổ đông khác	94.594.240.000	94.594.240.000
Cộng	172.948.330.000	172.948.330.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.294.833	17.294.833
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.294.833	17.294.833
- Cổ phiếu phổ thông	17.294.833	17.294.833
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	636.586	636.586
- Cổ phiếu phổ thông	636.586	636.586
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.658.247	16.658.247
- Cổ phiếu phổ thông	16.658.247	16.658.247
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	41.571.07	182.460.41
Euro (EUR)	349.49	12.354.95
Dollar Úc (AUD)	10.228.00	27.236.76
Yên Nhật (JPY)	231.581.00	1.275.247.00
Bath Thái (THB)	100.00	100.00
Dollar Singapore (SGD)	144.698.16	144.698.16

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành	1.151.167.403.012	215.991.523.778
Doanh thu bán vé máy bay	11.120.526.840	165.075.404.750
Doanh thu bán hàng hóa	-	51.644.229.672
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	39.348.422.427	178.620.112.583
Cộng	1.201.636.352.279	611.331.270.783

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	1.724.810.135
Hàng bán bị trả lại	-	165.412.754
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	-	1.890.222.889
3. Giá vốn hàng bán :	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	1.064.774.964.920	698.824.651.914
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.064.774.964.920	698.824.651.914
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	206.362.571	33.009.682.210
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.289.091.009	2.638.598.304
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	71.558.637
Chiếu khấu thanh toán	-	35.621.448
Doanh thu tài chính khác	-	9.490.682.615
Cộng	4.495.453.580	45.246.143.214
5. Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36,027,952,478	57,111,993,961
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1,791,312,270	6,473,256,554
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	213,375,533
Chi phí phát hành trái phiếu	10,661,643,836	22,268,076,769
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	(8,141,852,232)
Chi phí tài chính khác	-	794,475,429
Cộng	48,480,908,584	78,719,326,014
6. Chi phí bán hàng	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	1,215,964,060
Chi phí nguyên liệu, bao bì	20.413.899	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.450.132	51,957,291,547
Các chi phí khác	6.155.727.174	5,957,090,291
Cộng	6.544.591.205	59,130,345,898

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	28.411.454.625	53,908,132,018
Chi phí vật liệu quản lý		128,382,153
Chi phí đồ dùng văn phòng	498.521.412	521,266,591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.074.858.126	11,510,689,059
Phân bổ lợi thế thương mại	120.271.000	1,260,066,500
Thuế, phí và lệ phí	1.769.870.289	1,472,667,705
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.737.158.619	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.363.629.220	29,196,355,037
Các chi phí khác	2.431.315.263	10,761,816,481
Cộng	82.407.078.554	108,759,375,544

8. Thu nhập khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	163.637	1,900,000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.443.698	-
Các khoản hoa hồng hỗ trợ từ nhà cung cấp	23.496.000	-
Doanh thu coupon hết hạn sử dụng	5.235.729	-
Các khoản thu nhập khác	199.476.074	4,441,605,471
Cộng	230.815.138	4,443,505,471

9. Chi phí khác	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	109.398.600	1,168,479,732
Thuế bị phạt, bị truy thu	163.789.093	6,342,781
Chi phí bồi hoàn do hủy tour khách	-	64,067,273
Các khoản chi phí khác	194.075.045	2,021,127,918
Cộng	467.262.738	3,260,017,704

10. Lãi trên cổ phiếu		
10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(115.037.430.292)	(349.947.843.843)
(-) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
(-) Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(115.037.430.292)	(349.947.843.843)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.658.247	16.658.247
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.906)	(21.007)

- (i) Tập đoàn chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh lại sau khi có kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM – VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(115.037.430.292)	(349.947.843.843)
Lãi trái phiếu chuyển đổi trong năm		-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		(349.947.843.843)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.658.247	16.658.247
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(6.906)	(21.007)

10c. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	518.935.311	165,463,393,832
Chi phí nhân công	28.411.454.625	105,751,136,625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.074.858.126	11,510,689,059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.732.079.352	283,076,556,525
Chi phí khác	13.094.071.345	30,049,117,794
Cộng	88.831.398.759	595,850,893,835

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Tiền lương	1.568.148.297	1.150.047.677
Tiền thưởng	467.711.965	246.156.650
Thù lao	405.000.000	405.000.000
Cộng	2.440.860.262	1.801.204.327

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Hồ Quốc Bình
Người lập



La Huệ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Kỳ
Chủ tịch



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

Địa chỉ: Số 190, đường Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 02 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
									Cộng
Số dư đầu năm trước	172,948,330,000	3,315,805,325	1,080,000,000	(6,180,498,800)	415,571,555	24,948,553,862	(37,025,155,331)	8,868,168,256	168,370,774,867
Tăng vốn tại Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-	6,500,000,000	6,500,000,000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành thông qua căn trừ công nợ trong năm trước	-	-	-	(679,784,500)	-	-	-	-	(679,784,500)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(349,947,843,843)	310,220,827	(349,637,623,016)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(1,147,488,000)	(1,147,488,000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(123,250,000)	(123,250,000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND trong năm trước	-	-	-	-	(51,056,209)	-	-	-	(51,056,209)
Giảm tài sản thuần của công ty con khi chuyển nhượng	-	-	-	-	-	(2,235,533,916)	185,221,044,131	-	182,985,510,215
Giảm đo hợp nhất kinh doanh	-	-	(1,080,000,000)	-	-	363,868,445	-	(6,500,000,000)	(7,216,131,555)
Điều chỉnh khác trong năm trước	-	-	-	-	-	-	16,245,575,107	(7,277,847,795)	8,967,727,312
Số dư cuối kỳ trước	172,948,330,000	3,315,805,325	-	(6,860,283,300)	364,515,346	23,076,888,391	(185,506,379,936)	629,803,288	7,968,679,114
Số dư đầu năm nay	172,948,330,000	3,315,805,325	-	(6,860,283,300)	364,515,346	23,076,888,391	(185,506,379,936)	629,803,288	7,968,679,114
Ghi nhận hợp nhất báo cáo Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	2,450,000,000	2,450,000,000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(115,037,430,292)	653,580,779	(114,383,849,513)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	-	(331,783,915)	-	-	-	-
Điều chỉnh khác trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(1,214,408)	(28,868,886)	(360,652,801)
Số dư cuối năm nay	172,948,330,000	3,315,805,325	-	(6,860,283,300)	32,731,431	23,076,888,391	(186,720,784,636)	3,632,961,536	(104,409,591,253)

Hồ Quốc Bình
Người lập

La Huệ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Kỳ
Chủ tịch